

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 24/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông);

Căn cứ Văn bản số 172/QBVPTR-KHKT ngày 09/5/2026 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp);

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh tại Văn bản số 523/BQL-KTTĐ ngày 11/5/2026 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 615/TTr-SNNMT ngày 13/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông) do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai làm chủ đầu tư, với tổng diện tích là 2,30 ha, trong đó:

- Loại rừng: Rừng phòng hộ.
- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng gỗ.
- Vị trí: Thuộc khoảnh 3, tiểu khu 132, xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai (trước ngày 01/7/2025 thuộc xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định).
- Ranh giới: Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ, tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (tăng/giảm); tham mưu UBND tỉnh giải quyết các nội dung liên quan đến đất đai để thực hiện Dự án theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ Đông, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, N4, N5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp

Phụ lục
TỌA ĐỘ RANH GIỚI DIỆN TÍCH KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN
THUỘC ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	X	Y
I	Vị trí 1	
1	1585176,16	595987,87
2	1585201,39	595980,82
3	1585201,22	595980,17
4	1585199,81	595974,72
5	1585199,51	595973,62
6	1585198,11	595968,52
7	1585195,98	595960,32
8	1585194,31	595953,87
9	1585191,87	595944,51
10	1585195,85	595943,25
11	1585201,12	595941,32
12	1585201,21	595941,29
13	1585188,20	595904,57
14	1585169,65	595850,06
15	1585158,92	595818,54
16	1585158,38	595816,94
17	1585151,96	595819,25
18	1585140,65	595823,30
19	1585118,48	595831,25
20	1585077,36	595845,99
21	1585077,41	595846,32
22	1585077,77	595850,35
23	1585078,35	595856,76
24	1585079,57	595869,40

STT	X	Y
25	1585080,18	595875,72
26	1585079,79	595891,39
27	1585087,92	595901,20
28	1585093,23	595919,57
29	1585096,05	595940,19
30	1585103,76	595975,39
31	1585111,15	595973,65
32	1585121,51	595971,23
33	1585133,70	595966,89
34	1585140,76	595964,29
35	1585148,66	595961,39
36	1585157,28	595958,29
37	1585166,80	595954,87
38	1585168,92	595963,02
39	1585170,50	595969,70
40	1585172,35	595976,23
II	Vị trí 2	
1	1584930,72	595990,50
2	1584948,67	595985,18
3	1584943,94	595969,91
4	1584949,65	595967,96
5	1584965,87	595962,44
6	1584976,57	595990,58
7	1584976,24	595993,16
8	1584970,85	595996,18
9	1584953,62	596001,12
10	1584935,48	596006,23
III	Vị trí 3	
1	1584960,21	595947,54
2	1584938,72	595953,05
3	1584936,74	595945,54

STT	X	Y
4	1584918,97	595951,80
5	1584907,13	595916,08
6	1584924,84	595909,57
7	1584922,15	595901,86
8	1584939,38	595896,08
9	1584941,35	595900,22
10	1584944,20	595906,89
11	1584952,55	595927,41
12	1584956,76	595938,48
IV	Vị trí 4	
1	1584911,97	595939,85
2	1584916,30	595953,57
3	1584923,17	595978,31
4	1584925,12	595985,33
5	1584927,44	595993,03
6	1584930,52	596006,00
7	1584913,37	596012,40
8	1584910,58	596002,28
9	1584908,58	595995,51
10	1584906,87	595989,55
11	1584905,64	595984,94
12	1584905,03	595982,50
13	1584876,57	595989,09
14	1584876,57	595989,10
15	1584874,53	595982,25
16	1584866,01	595953,61
17	1584894,98	595948,69
18	1584893,09	595942,69
V	Vị trí 5	
1	1584790,12	595945,54
2	1584781,11	595920,54

STT	X	Y
3	1584804,68	595908,59
4	1584838,11	595897,67
5	1584881,05	595878,58
6	1584882,52	595885,19
7	1584886,98	595914,34
8	1584863,46	595919,04
9	1584856,14	595921,95
10	1584852,36	595923,36
11	1584835,50	595929,59
12	1584820,33	595936,55
13	1584797,63	595941,96
VI	Vị trí 6	
1	1584771,61	595880,96
2	1584779,95	595915,69
3	1584772,65	595916,13
4	1584754,08	595881,01
VII	Vị trí 7	
1	1584763,35	595981,70
2	1584778,80	595963,62
3	1584780,87	595963,06
4	1584788,57	595986,84
5	1584767,16	595992,77
